

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH QUẢNG NGÃI

PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN, KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHU, ĐIỂM/LÀNG DU LỊCH, DU LỊCH NÔNG THÔN

(Kèm theo Công văn số: /UBND-VHXXH ngày tháng năm 2026 của UBND xã Đăk Rve)

A. THÔNG TIN CHUNG VÀ TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ

- 1. Tên khu, điểm/làng du lịch:** Khảo sát hiện trạng, tiềm năng và nhu cầu hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn xã Đăk Rve.
- 2. Địa chỉ/địa bàn:** Toàn bộ địa bàn xã Đăk Rve, tỉnh Quảng Ngãi. Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*thuộc khu vực đặc biệt khó khăn*) được hình thành trên cơ sở sáp nhập thị trấn Đăk Rve và xã Đăk Pnê (cũ); có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, với nhiều giá trị văn hóa truyền thống còn được gìn giữ.
- 3. Loại hình/định hướng tiềm năng:** Du lịch sinh thái, trải nghiệm thiên nhiên gắn với Thác Đăk Rve, cảnh quan đồi núi, sông suối, lòng hồ khu vực Đăk Pnê cũ; du lịch cộng đồng, trải nghiệm văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là người Ba Na; du lịch nông nghiệp, nông thôn; điểm dừng, trải nghiệm trên hành lang đường đèo Măng Đen cũ.
- 4. Quyết định công nhận:** Hiện chưa có khu/điểm du lịch trên địa bàn xã được công nhận theo quy định.
- 5. Năm công nhận/năm đưa vào khai thác:** Chưa có. Hoạt động tham quan hiện chủ yếu mang tính tự phát, nhỏ lẻ, không thường xuyên; chưa hình thành hoạt động kinh doanh du lịch rõ nét.
- 6. Diện tích, phạm vi, ranh giới:** Chưa xác định ranh giới chính thức cho khu/điểm du lịch. Cần tiếp tục khảo sát, lựa chọn hạt nhân ưu tiên và xác định phạm vi phù hợp trước khi đề xuất đầu tư hoặc lập hồ sơ công nhận điểm du lịch.
- 7. Hiện trạng đất đai, mặt nước:** Tài nguyên du lịch phân bố xen kẽ trong đất dân cư, đất sản xuất nông - lâm nghiệp, rừng, sông suối và mặt nước/lòng hồ thủy điện. Chưa có quỹ đất, ranh giới riêng phục vụ hoạt động du lịch; khi đề xuất đầu tư cần rà soát pháp lý đất đai, lâm nghiệp, hành lang bảo vệ nguồn nước và phạm vi công trình thủy điện có liên quan.
- 8. Mô hình tổ chức quản lý:** Chưa hình thành Ban quản lý, tổ hợp tác/HTX hoặc đơn vị chuyên trách quản lý, khai thác du lịch. UBND xã thực hiện quản lý nhà nước trên địa bàn; cộng đồng các thôn trực tiếp gìn giữ, thực hành các giá trị văn hóa. Khi hình thành sản phẩm/điểm du lịch cần lựa chọn mô hình quản lý phù hợp, xác định rõ vai trò của cộng đồng và cơ chế phân chia lợi ích.
- 9. Người đại diện:** UBND xã Đăk Rve

B. TÀI NGUYÊN DU LỊCH VÀ SẢN PHẨM DL

TT	Tên tài nguyên du lịch ¹	Hiện trạng bảo tồn và phát	Khó khăn vướng mắc	Kiến nghị đề xuất
----	-------------------------------------	----------------------------	--------------------	-------------------

¹ Ví dụ: nghề làm gốm; * Mô tả thêm hiện trạng bảo tồn (số lượng người làm gốm; số lượng sản phẩm...). Hiện trạng phát huy (đã được khai thác tài nguyên trên thành sản phẩm du lịch ví dụ đã tổ chức trải nghiệm nghề làm gốm; bán các sản phẩm gốm...)

		huy*		
1	Nghề đan lát	Khoảng 18 người còn thực hành nghề (A Tranh, A H Đông, A Nhai, A Phip, A Lit, A Jâr, A Xin,...). Nghề hiện chủ yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất tại cộng đồng; chưa được tổ chức thường xuyên thành hoạt động trình diễn, trải nghiệm cho khách. Có tiềm năng phát triển sản phẩm quà lưu niệm và trải nghiệm thủ công.	Lực lượng thực hành nghề còn ít, chủ yếu là người lớn tuổi; thiếu người kế cận; chưa có không gian trưng bày, trình diễn; sản phẩm chưa được chuẩn hóa về mẫu mã, bao bì, giá bán và kỹ năng tổ chức trải nghiệm.	Ưu tiên truyền dạy nghề cho thế hệ trẻ; lựa chọn, hoàn thiện một số mẫu sản phẩm phù hợp làm quà lưu niệm; hỗ trợ bao bì, nhãn diện, niêm yết giá; bố trí không gian trình diễn tại hạt nhân du lịch cộng đồng và tập huấn kỹ năng tổ chức trải nghiệm.
2	Nghề tạc tượng	Khoảng 03 người còn thực hành nghề (A Tio, A Lit, A H Đông). Nghề có giá trị văn hóa và khả năng trình diễn, giới thiệu cho khách nhưng hiện chưa được tổ chức thành sản phẩm du lịch.	Số người thực hành rất ít, nguy cơ mai một; chưa có lực lượng kế cận, không gian trình diễn, dụng cụ và hệ thống sản phẩm phù hợp phục vụ khách.	Hỗ trợ truyền dạy, tư liệu hóa nghề; xây dựng không gian giới thiệu, trình diễn phù hợp; nghiên cứu các sản phẩm tạc tượng kích thước nhỏ làm quà lưu niệm và hoạt động trải nghiệm đơn giản, bảo đảm an toàn.
3	Cồng chiêng, múa xoang và sinh hoạt văn hóa truyền thống	Theo số liệu địa phương, có khoảng 30 bộ công chiêng cá nhân và 03 bộ công chiêng tập thể tại thôn Kon Túc, Kon Go; khoảng 57 người biết thực hành và vẫn duy trì trong lễ hội, sinh hoạt cộng đồng. Năm 2026, xã đã tổ chức 02 lớp truyền dạy công chiêng, múa xoang tại thôn Kon Go và Kon Cheo Leo. Chưa hình thành chương trình biểu diễn phục vụ khách định kỳ.	Lực lượng trẻ kế cận chưa đồng đều; kinh phí duy trì hoạt động hạn chế; chưa có chương trình trình diễn, thuyết minh và cơ chế tổ chức phục vụ khách phù hợp.	Tiếp tục truyền dạy công chiêng, múa xoang; củng cố đội văn nghệ cộng đồng; xây dựng chương trình giới thiệu ngắn gọn gắn với thuyết minh giá trị văn hóa, trang phục và không gian truyền thống; khai thác du lịch theo hướng tôn trọng tính nguyên gốc, tránh sân khấu hóa quá mức.
4	Nghề dệt thổ cẩm	Khoảng 19 người biết dệt thổ cẩm (Y Trờ, Y Brai, Y Thia, Y Măng, Y Nấp, Y Gyên, Y Băn, Y Thái, Y Sát,...). Hoạt động dệt còn được duy trì trong cộng đồng nhưng chưa tổ chức thường xuyên để trình diễn, trải nghiệm hoặc bán sản phẩm cho khách.	Người thực hành và lực lượng trẻ kế cận còn hạn chế; mẫu mã, kích thước sản phẩm chưa đa dạng; chưa có không gian trình diễn, trưng bày và kênh tiêu thụ ổn định.	Hỗ trợ truyền dạy; phát triển sản phẩm thổ cẩm ứng dụng, quà lưu niệm; chuẩn hóa mẫu mã, giá bán; tổ chức trình diễn, trải nghiệm dệt gắn với không gian văn hóa cộng đồng.
5	Nghề rèn	Khoảng 14 người biết nghề rèn (A Pyep, A Bôl, A Pít, A Bơ, A Blép, A Hmong, A Dết,...). Nghề còn được thực hành phục vụ sản xuất và sinh hoạt nhưng chưa được khai thác thành hoạt động trải nghiệm du lịch.	Lực lượng kế cận còn hạn chế; không gian và điều kiện trình diễn chưa bảo đảm; hoạt động rèn có yếu tố nhiệt, lửa và dụng cụ sắc nhọn nên yêu cầu cao về an toàn.	Hỗ trợ bảo tồn, truyền dạy nghề; lựa chọn hộ/người thực hành tiêu biểu để giới thiệu quy trình, sản phẩm; nếu tổ chức trình diễn cho khách phải bố trí không gian riêng và phương án bảo đảm an toàn.
6	Nghề làm rượu cần bằng men lá truyền thống	Khoảng 20 người còn biết làm rượu cần bằng men lá truyền thống (Y Thương, Y Đúi, Y Tầu, Y Đem, Y Ó Mu, Y Ó Rê, Y Trờ, Y Thia, Y Vem,...). Sản phẩm chủ yếu phục vụ gia đình, lễ hội và sinh hoạt cộng đồng; chưa được chuẩn hóa thành sản phẩm phục vụ du lịch.	Lực lượng kế cận hạn chế; chưa chuẩn hóa quy trình giới thiệu, phục vụ khách, bao bì, nhãn và yêu cầu vệ sinh, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thương mại.	Hỗ trợ truyền dạy, tư liệu hóa quy trình; hướng dẫn điều kiện vệ sinh, an toàn thực phẩm, bao bì, nhãn hàng; xây dựng hoạt động giới thiệu văn hóa rượu cần gắn với ẩm thực và sinh hoạt cộng đồng.
7	Nghề chế tác ná truyền thống	Khoảng 10 người biết chế tác ná (A Nâu, A Tương, A Chiến, A Sâu, A Dép, A Siết,...). Đây là kỹ năng thủ công truyền thống, hiện chưa được tổ chức thành sản phẩm trải nghiệm du lịch.	Lực lượng kế cận hạn chế; chưa có nội dung thuyết minh, trưng bày; nếu tổ chức hoạt động trải nghiệm sử dụng cần đặc biệt lưu ý yêu cầu an toàn.	Hỗ trợ tư liệu hóa, truyền dạy và trưng bày sản phẩm; ưu tiên hoạt động giới thiệu, trình diễn chế tác. Trường hợp tổ chức trải nghiệm sử dụng phải bố trí khu vực riêng, có hướng dẫn và biện pháp bảo đảm an toàn.

8	Nghề chế tác nhạc cụ truyền thống	Khoảng 03 người biết chế tác nhạc cụ truyền thống (A Lít, A Ly Áo, A Blong). Nghề có giá trị văn hóa nhưng số người thực hành ít, chưa được tổ chức thành hoạt động giới thiệu, trải nghiệm cho khách.	Nguy cơ mai một cao; thiếu người kế cận; chưa có không gian trưng bày, tư liệu giới thiệu và sản phẩm mẫu.	Ưu tiên truyền dạy, tư liệu hóa quy trình; xây dựng bộ nhạc cụ mẫu, không gian giới thiệu và hoạt động trình diễn/chế tác phù hợp phục vụ giáo dục trải nghiệm và du lịch cộng đồng.
9	Đàn nước của người Ba Na (Khinh Khung)	Theo thông tin địa phương, còn khoảng 03 người biết chế tác/thực hành. Đề nghị UBND xã xác minh, bổ sung tên người thực hành, hiện trạng nhạc cụ và mức độ duy trì trong đời sống cộng đồng trước khi sử dụng số liệu chính thức.	Số người biết chế tác/thực hành rất ít, nguy cơ mai một; thiếu tư liệu ghi chép, hình ảnh, sản phẩm mẫu và người kế cận.	Ưu tiên kiểm kê, tư liệu hóa, truyền dạy và phục dựng/trưng bày Khinh Khung trong không gian phù hợp; nghiên cứu trình diễn cho khách gắn với thuyết minh đúng giá trị văn hóa.
10	Cảnh quan thiên nhiên: Thác Đăk Rve, đồi núi, rừng, sông suối, lòng hồ	Thác Đăk Rve nằm dưới chân cầu Đăk Rve trên Quốc lộ 24, là điểm cảnh quan còn hoang sơ, có tiềm năng làm điểm dừng ngắm cảnh, chụp ảnh và trải nghiệm thiên nhiên; đường xuống chân thác hiện khá dốc và chưa được khai thác phục vụ du lịch. Khu vực Đăk Pne cũ còn có cảnh quan rừng, sông suối, cầu treo, lòng hồ và không gian nông nghiệp có khả năng kết nối thành tuyến trải nghiệm.	Chưa xác định ranh giới khai thác; hạ tầng tiếp cận, điểm dừng, bãi xe, biển cảnh báo và thiết bị cứu hộ còn thiếu; khu vực thác, suối tiềm ẩn nguy cơ trượt ngã, nước lớn, sạt lở vào mùa mưa.	Ưu tiên khảo sát an toàn và sức chứa trước đầu tư; nghiên cứu điểm dừng/ngắm cảnh, lối tiếp cận phù hợp, biển cảnh báo và phương án cứu hộ; hạn chế bê tông hóa, giữ cảnh quan tự nhiên. Chỉ tổ chức hoạt động xuống thác, tắm suối khi đáp ứng đầy đủ điều kiện an toàn.
11	Thôn Kon Go	Kon Go có lợi thế về không gian văn hóa làng và đời sống cộng đồng của người Ba Na. Các giá trị văn hóa truyền thống vẫn hiện diện trong đời sống người dân, đặc biệt thông qua các sinh hoạt cộng đồng, phong tục, tập quán, tiếng nói, trang phục và các hoạt động văn nghệ dân gian. Kon Go có tiềm năng để phát huy văn hóa theo hướng du lịch cộng đồng, trải nghiệm văn hóa Ba Na và giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ. Việc thôn Kon Go 1 và Kon Go 2 được sắp xếp thành một thôn Kon Go mới với quy mô khoảng 318–319 hộ cũng tạo điều kiện hình thành một không gian cộng đồng lớn hơn để tổ chức các hoạt động văn hóa.	Các giá trị về cảnh quan thiên nhiên, đời sống và văn hóa Ba Na có tiềm năng, nhưng chưa được xây dựng thành những sản phẩm cụ thể như trải nghiệm làng bản, ẩm thực truyền thống, biểu diễn cồng chiêng – múa xoang, trekking, trải nghiệm sản xuất nông nghiệp hoặc homestay	- Hỗ trợ xây dựng mô hình quản lý du lịch cộng đồng, quy chế vận hành và cơ chế phân chia lợi ích; xác định đầu mối phối hợp giữa UBND xã, thôn, hộ dân, người thực hành văn hóa và doanh nghiệp. - Đến 2030 : Xây dựng ít nhất 01 mô hình làng du lịch cộng đồng tại thôn Kon Go. - Hình thành vùng trồng dược liệu dưới tán rừng kết hợp tham quan trải nghiệm tại khu vực Đăk Pne (cũ).

12	Thôn Kon Gộp	Các giá trị văn hóa vẫn được duy trì chủ yếu thông qua đời sống gia đình và cộng đồng, các dịp lễ, hội, sinh hoạt văn nghệ và phong tục tập quán.. Kon Gộp có lợi thế lớn về cảnh quan tự nhiên và bản sắc văn hóa. Có thể phát triển các hoạt động như: Trình diễn cồng chiêng, dân ca, dân vũ. Giới thiệu nghề thủ công và sản phẩm truyền thống. Trải nghiệm đời sống, ẩm thực và sinh hoạt của người Ba Na. Xây dựng các điểm tham quan, tuyến trải nghiệm gắn với cảnh quan rừng, suối và không gian làng. Hình thành đội văn nghệ cộng đồng phục vụ sinh hoạt và khách du lịch.	Các giá trị về cảnh quan thiên nhiên, đời sống và văn hóa Ba Na có tiềm năng, nhưng chưa được xây dựng thành những sản phẩm cụ thể như trải nghiệm làng bản, ẩm thực truyền thống, biểu diễn cồng chiêng – múa xoang, trekking, trải nghiệm sản xuất nông nghiệp hoặc homestay.	- Hỗ trợ xây dựng mô hình quản lý du lịch cộng đồng, quy chế vận hành và cơ chế phân chia lợi ích; xác định đầu mối phối hợp giữa UBND xã, thôn, hộ dân, người thực hành văn hóa và doanh nghiệp. - Đến 2035: Có ít nhất 02 làng du lịch cộng đồng được hình thành và hoạt động hiệu quả.
13	Thôn Kon Vang	Kon Vang có thể phát huy văn hóa thông qua việc xây dựng không gian văn hóa cộng đồng, tổ chức các hoạt động văn nghệ - lễ hội, phục dựng những phong tục đẹp, giới thiệu ẩm thực và nghề truyền thống, đồng thời liên kết với Kon Go và Kon Gộp để hình thành một cụm điểm văn hóa - du lịch cộng đồng thay vì phát triển từng thôn riêng lẻ. Điểm khác biệt của Kon Vang không chỉ nằm ở sản phẩm nông nghiệp mà còn ở việc kết hợp nông nghiệp công nghệ cao với bản sắc văn hóa cộng đồng. Có thể xây dựng các hoạt động trải nghiệm theo mùa, kết hợp tham quan vườn/ruộng với thưởng thức ẩm thực địa phương, tìm hiểu nghề thủ công, trang phục, dân ca, dân vũ và các sinh hoạt cộng đồng. Qua đó hình thành chuỗi trải nghiệm “Ở - Ăn - Làm nông nghiệp - Khám phá văn hóa” đặc trưng của thôn Kon Vang.	Các giá trị về cảnh quan thiên nhiên, đời sống và văn hóa Ba Na có tiềm năng, nhưng chưa được xây dựng thành những sản phẩm cụ thể như trải nghiệm làng bản, ẩm thực truyền thống, biểu diễn cồng chiêng – múa xoang, trekking, trải nghiệm sản xuất nông nghiệp hoặc homestay	- Hỗ trợ xây dựng mô hình quản lý du lịch cộng đồng, quy chế vận hành và cơ chế phân chia lợi ích; xác định đầu mối phối hợp giữa UBND xã, thôn, hộ dân, người thực hành văn hóa và doanh nghiệp. - Xây dựng từ 01-02 mô hình homestay/farmstay tại thôn Kon Vang. - Hình thành ít nhất 01 mô hình nông nghiệp công nghệ cao phục vụ du lịch trải nghiệm.

14	Thôn Đăk Rve, Thôn Plei Ngok, Thôn Ngọc Tem 2, Thôn Đăk Pnê, Thôn Kon Cheo Leo	- Khu vực trung tâm xã có vai trò là đầu mối giao lưu, tập trung dân cư và các hoạt động hành chính – kinh tế – xã hội, thuận lợi bố trí các loại hình dịch vụ phục vụ cả người dân địa phương và khách du lịch. - Việc tập trung các hoạt động thương mại – dịch vụ tại khu vực này giúp hình thành cụm dịch vụ đồng bộ, hạn chế phát triển manh mún, đồng thời tạo điểm dừng chân rõ ràng trong hành trình của du khách. - Có thể ưu tiên bố trí các công trình quy mô vừa và nhỏ như nhà nghỉ, khách sạn, homestay, nhà hàng, quán ăn, cửa hàng đặc sản, điểm giới thiệu sản phẩm OCOP và sản phẩm địa phương.	- Sản phẩm du lịch chưa đa dạng và chưa hình thành chuỗi: Các giá trị cảnh quan, văn hóa, ẩm thực, sản phẩm nông nghiệp và đời sống cộng đồng nếu chưa được tổ chức thành các sản phẩm, tour, tuyến hoặc chương trình trải nghiệm cụ thể thì khó tạo sức hấp dẫn và tăng thời gian lưu trú của du khách. - Nguồn nhân lực du lịch còn hạn chế: Người dân địa phương có lợi thế về hiểu biết văn hóa và đời sống bản địa nhưng có thể còn thiếu kỹ năng về phục vụ khách, giao tiếp, ngoại ngữ, quản lý cơ sở lưu trú, chế biến và kinh doanh dịch vụ du lịch. - Khó khăn trong huy động nguồn lực đầu tư: Khu vực có điều kiện kinh tế còn hạn chế, khả năng tích lũy và đầu tư của hộ dân chưa cao; trong khi đó, việc thu hút doanh nghiệp đầu tư khách sạn, khu nghỉ dưỡng hoặc khu dịch vụ quy mô lớn phụ thuộc nhiều vào khả năng khai thác thị trường và hiệu quả kinh tế.	- Phát triển khu trung tâm xã thành khu thương mại - dịch vụ phục vụ khách du lịch; khuyến khích đầu tư nhà nghỉ, khách sạn, điểm dừng chân, khu cắm trại, dịch vụ ăn uống. - Từng bước hình thành cụm dịch vụ du lịch đồng bộ theo hướng lưu trú – ăn uống – nghỉ chân – trải nghiệm – mua sắm, đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, đồng thời tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế dịch vụ của xã. Ưu tiên các dự án có quy mô phù hợp, kiến trúc hài hòa với cảnh quan, bảo tồn bản sắc văn hóa và sử dụng hiệu quả quỹ đất, gắn phát triển thương mại – dịch vụ với bảo vệ môi trường và phát triển du lịch bền vững.
15	Ẩm thực truyền thống	Cộng đồng có nhiều món ăn truyền thống và sản vật địa phương như cá suối, cơm lam, gà nướng, rau dớn, rượu cần và một số món đặc trưng do địa phương cung cấp. Hiện chủ yếu phục vụ theo hộ gia đình, theo đặt trước; chưa hình thành điểm ẩm thực chuyên nghiệp phục vụ khách thường xuyên.	Chưa có thực đơn chuẩn, giá niêm yết, quy trình phục vụ và điều kiện cơ sở vật chất đồng bộ; kỹ năng phục vụ khách và yêu cầu vệ sinh, an toàn thực phẩm còn hạn chế.	Lựa chọn, chuẩn hóa một số thực đơn/“mâm cơm cộng đồng” đặc trưng; tập huấn chế biến, phục vụ và an toàn thực phẩm; hỗ trợ dụng cụ thiết yếu, niêm yết giá và gắn ẩm thực với chương trình trải nghiệm văn hóa.

Lưu ý rà soát số liệu: Các số liệu về số người thực hành nghề, số bộ công chiếu và tên cá nhân do địa phương cung cấp cần được cập nhật, xác nhận lại theo đơn vị thôn sau sắp xếp năm 2026 trước khi sử dụng làm số liệu chính thức.

C. NHÂN LỰC DU LỊCH TẠI ĐỊA PHƯƠNG/ĐIỂM DỰ KIẾN

TT	Nhân lực trên từng lĩnh vực ²	Hiện trạng	Khó khăn vướng mắc	Kiến nghị đề xuất
1	Người hướng dẫn du lịch cộng đồng/tại điểm	Có người dân, già làng/người am hiểu văn hóa, cảnh quan địa phương có thể tham gia giới thiệu; tuy nhiên chưa có lực lượng hướng dẫn tại điểm được đào tạo, phân công và hoạt động thường xuyên.	Chưa được bồi dưỡng đầy đủ về thuyết minh, kỹ năng đón tiếp, sơ cấp cứu, cứu hộ, giao tiếp, xử lý tình huống và kiến thức pháp luật du lịch.	Lựa chọn lực lượng nòng cốt tại các thôn/hạt nhân du lịch để tập huấn thuyết minh, kỹ năng phục vụ, sơ cấp cứu, an toàn và giao tiếp; xây dựng nội dung thuyết minh thống nhất.
2	Nhân lực chế biến, phục vụ ăn uống	Khoảng 03-04 người có thể tham gia chế biến, phục vụ ẩm thực khi có khách; hoạt động hiện chủ yếu theo hộ gia đình và theo nhu cầu phát sinh.	Chưa được đào tạo chuyên nghiệp về tổ chức phục vụ, định lượng, vệ sinh, an toàn thực phẩm và kỹ năng giao tiếp với khách.	Tổ chức tập huấn chế biến, phục vụ, vệ sinh an toàn thực phẩm; lựa chọn nhóm/hộ nòng cốt để chuẩn hóa thực đơn và quy trình phục vụ.

² Đối với điểm DL có khách nước ngoài: thì có thêm thông tin về kỹ năng NN và khả năng giao tiếp với khách.

3	Nhân lực phục vụ lưu trú	Chưa có cơ sở lưu trú du lịch chuyên nghiệp. Một số hộ dân có thể được khảo sát, lựa chọn thí điểm mô hình lưu trú tại nhà dân/homestay nếu có nhu cầu và đáp ứng điều kiện.	Chưa đánh giá cụ thể điều kiện nhà ở, vệ sinh, phòng cháy chữa cháy, môi trường và khả năng phục vụ khách; thiếu kỹ năng buồng phòng, đón tiếp và quản lý lưu trú.	Không hỗ trợ dân trải; trước mắt khảo sát, lựa chọn 1-2 hộ có nhu cầu, vị trí phù hợp và khả năng đáp ứng điều kiện để hướng dẫn hoàn thiện, đăng ký và vận hành theo quy định.
4	Nhân lực hướng dẫn các hoạt động trải nghiệm	Có người dân đang thực hành đan lát, dệt thổ cẩm, tạc tượng, rèn, chế tác nhạc cụ, công chiêng, múa xoang, ẩm thực... nhưng chưa có người được phân công, đào tạo chuyên trách tổ chức trải nghiệm cho khách.	Chưa có chương trình trải nghiệm chuẩn hóa; kỹ năng hướng dẫn, kiểm soát thời lượng, số lượng khách và bảo đảm an toàn còn hạn chế.	Xây dựng một số mô-đun trải nghiệm ngắn, dễ tổ chức; lựa chọn người thực hành phù hợp để tập huấn kỹ năng hướng dẫn, kể chuyện, phục vụ và bảo đảm an toàn.
5	Nhân lực quản lý, cung cấp thông tin du lịch	Cán bộ phụ trách văn hóa - xã hội của xã thực hiện nhiệm vụ du lịch theo chế độ kiêm nhiệm; chưa có điểm thông tin du lịch, cơ sở dữ liệu điểm đến và hệ thống quản lý khách riêng.	Nhân lực chuyên môn mỏng; chưa được đào tạo chuyên sâu về quản lý điểm đến, thống kê du lịch, truyền thông số và liên kết thị trường.	Trước mắt phân công đầu mỗi phụ trách du lịch, xây dựng bộ dữ liệu cơ bản về tài nguyên - dịch vụ - hộ tham gia - khách; tập huấn quản lý điểm đến và truyền thông số. Chỉ đầu tư điểm thông tin riêng khi lượng khách và nhu cầu thực tế đủ lớn.
6	Nhân lực của mô hình quản lý du lịch cộng đồng	Chưa thành lập Ban quản lý, tổ du lịch cộng đồng, tổ hợp tác hoặc HTX chuyên trách quản lý và khai thác du lịch trên địa bàn xã.	Chưa xác định hạt nhân phát triển, cơ chế phối hợp giữa UBND xã - thôn - hộ dân - người thực hành văn hóa; chưa có quy chế vận hành và phân chia lợi ích.	Sau khi lựa chọn hạt nhân du lịch cộng đồng, hỗ trợ xây dựng mô hình quản lý phù hợp (tổ cộng đồng/tổ hợp tác/HTX), quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ, cơ chế thu - chi và phân chia lợi ích minh bạch.
7	Nguồn lực tài chính và khả năng huy động	Chưa có nguồn thu ổn định từ hoạt động du lịch; nguồn lực hiện chủ yếu dựa vào ngân sách, các chương trình mục tiêu/chương trình hỗ trợ, đóng góp của cộng đồng và khả năng xã hội hóa.	Nguồn lực đầu tư hạn chế; chưa có phương án huy động vốn theo từng hạng mục và chưa xác định rõ khả năng tham gia đầu tư của hộ dân/doanh nghiệp.	Xây dựng danh mục ưu tiên theo lộ trình; phân định rõ hạng mục công cộng cần Nhà nước hỗ trợ và hạng mục kinh doanh do hộ dân/HTX/doanh nghiệp đầu tư; lồng ghép các chương trình mục tiêu và huy động xã hội hóa hợp pháp.

D. HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG, DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Đề nghị UBND xã bổ sung, nếu có: tổng vốn đã đầu tư cho từng hạng mục hạ tầng/dịch vụ, năm đầu tư và nguồn vốn (ngân sách, chương trình mục tiêu, xã hội hóa...) để làm cơ sở xác định nhu cầu hỗ trợ tiếp theo.

TT	Loại	Hiện trạng ³	Khó khăn	Kiến nghị
1	Giao thông kết nối với quốc lộ/tuyến chính	Quốc lộ 24 là trục kết nối quan trọng của xã với Măng Đen; Thác Đắk Rve nằm ngay dưới cầu Đắk Rve trên tuyến này, thuận lợi hình thành điểm dừng ngắm cảnh. Các khu vực Đắk Pnê cũ được tiếp cận bằng hệ thống đường địa phương; một số đoạn cần khảo sát cụ thể về mặt đường, độ dốc và khả năng đi lại mùa mưa.	Một số tuyến/đoạn tiếp cận tài nguyên còn hẹp hoặc chưa thuận lợi; khu vực Thác Đắk Rve chưa có điểm dừng, bãi xe và lối xuống được tổ chức an toàn.	Ưu tiên xử lý các điểm nghẽn trực tiếp đến hạt nhân du lịch; nghiên cứu điểm dừng/bãi xe an toàn tại Thác Đắk Rve và nâng cấp có chọn lọc các tuyến kết nối đến khu vực du lịch cộng đồng.
2	Giao thông nội điểm	Tại các khu vực tiềm năng chủ yếu là đường dân sinh, đường sản xuất, đường đất/lối mòn và lối tiếp cận tự nhiên đến thác, suối, lòng hồ.	Khó đi lại vào mùa mưa; chưa có tuyến đi bộ, bậc lên xuống, lan can hoặc điểm nghỉ được tổ chức theo tiêu chuẩn an toàn.	Khảo sát tuyến trải nghiệm thực tế; ưu tiên lối đi bộ, điểm nghỉ, lan can/bậc lên xuống tại vị trí cần thiết; hạn chế can thiệp cứng, bê tông hóa quá mức vào cảnh quan tự nhiên.

³ Trong đó có thông tin: Tổng vốn đã đầu tư; nguồn (ngân sách chương trình MTQG NTM; Ngân sách Tỉnh; hay XHH...)

3	Kết nối các tài nguyên để hình thành tuyến	Có khả năng kết nối Quốc lộ 24 - Thác Đăk Rve - khu vực Đăk Pne cũ - làng văn hóa cộng đồng - nghề thủ công - ẩm thực - cảnh quan nông nghiệp, sông suối/lòng hồ.	Chưa hình thành chương trình tham quan có thời lượng, điểm dừng, dịch vụ và đơn vị tổ chức khai thác cụ thể.	Khảo sát, xây dựng thử nghiệm tuyến 1/2 ngày hoặc 01 ngày; kiểm tra thời gian di chuyển, sức chứa và nhu cầu thị trường; kết nối doanh nghiệp lữ hành tại Măng Đen, Kon Tum và các địa bàn lân cận.
4	Điểm đón tiếp	Chưa có điểm đón tiếp du khách chuyên biệt. Có thể nghiên cứu tận dụng công trình công cộng phù hợp tại cộng đồng trong giai đoạn đầu.	Thiếu khu vực cung cấp thông tin, hướng dẫn, giới thiệu sản phẩm và điều phối khách.	Trước mắt tổ chức điểm đón tiếp quy mô gọn tại hạt nhân được lựa chọn, ưu tiên tận dụng cơ sở hiện có; chỉ đầu tư công trình mới khi có nhu cầu và phương án vận hành rõ ràng.
5	Bãi đỗ xe	Chưa có bãi đỗ xe chuyên phục vụ du lịch; tại một số vị trí có thể tận dụng quỹ đất trống nhưng chưa được xác định, tổ chức và phân luồng.	Khả năng đỗ xe, quay đầu và bảo đảm an toàn giao thông chưa được khảo sát theo quy mô khách; có nguy cơ ảnh hưởng đất sản xuất của người dân.	Khảo sát, xác định vị trí bãi đỗ xe quy mô phù hợp tại từng hạt nhân; ưu tiên vị trí thuận lợi, ít ảnh hưởng đất sản xuất và bảo đảm an toàn giao thông.
6	Hệ thống điện	Điện lưới quốc gia cơ bản phục vụ khu dân cư; các vị trí sâu trong khu vực tự nhiên, thác, suối/lòng hồ chưa có hạ tầng điện phục vụ du lịch.	Chi phí kéo điện đến các vị trí xa khu dân cư cao; đầu tư không phù hợp có thể tác động cảnh quan.	Chỉ bố trí điện tại các vị trí thực sự cần thiết như điểm đón tiếp, nhà vệ sinh, khu dịch vụ; nghiên cứu giải pháp năng lượng phù hợp, tiết kiệm và hạn chế tác động cảnh quan.
7	Hệ thống nước sạch	Nguồn nước sinh hoạt tại khu dân cư cơ bản phục vụ nhu cầu hiện tại; chưa có hệ thống cấp nước riêng cho các điểm dự kiến phục vụ khách.	Chưa đánh giá khả năng đáp ứng khi có khách tập trung; chất lượng và lưu lượng nguồn nước tại các hạt nhân cần được kiểm tra.	Khảo sát nguồn và chất lượng nước; bố trí giải pháp cấp nước an toàn cho khu đón tiếp, ăn uống, nhà vệ sinh và lưu trú (nếu có) trước khi đưa vào khai thác.
8	Hệ thống thoát nước	Chủ yếu thoát nước theo địa hình tự nhiên; tại các điểm tự nhiên chưa có hệ thống thoát nước chuyên biệt.	Mùa mưa có nguy cơ xói lở, trơn trượt, ngập cục bộ và ảnh hưởng lối tiếp cận.	Thiết kế thoát nước phù hợp địa hình; ưu tiên giải pháp mềm, hạn chế xói lở và bảo đảm an toàn tại đường đi bộ, điểm dừng, bãi xe và khu dịch vụ.
9	Hệ thống chiếu sáng	Chưa có hệ thống chiếu sáng chuyên dụng tại các hạt nhân du lịch tự nhiên; khu dân cư có chiếu sáng theo hạ tầng hiện hữu.	Hạn chế tổ chức hoạt động chiếu tối và tiềm ẩn mất an toàn nếu khai thác ngoài khung giờ ban ngày.	Ưu tiên chiếu sáng tại điểm đón tiếp, bãi xe, nhà vệ sinh và lối đi cần thiết; không khuyến khích mở rộng hoạt động ban đêm tại khu vực thác, suối khi chưa bảo đảm điều kiện an toàn.
10	Hệ thống thông tin liên lạc	Mạng viễn thông, điện thoại di động cơ bản phủ trên địa bàn xã; tại một số khu vực sâu, địa hình chia cắt cần đo kiểm chất lượng sóng thực tế.	Một số vị trí tự nhiên có thể bị hạn chế tín hiệu, ảnh hưởng liên lạc và cứu hộ khi có sự cố.	Đo kiểm tại các hạt nhân/tuyến dự kiến khai thác; phối hợp doanh nghiệp viễn thông tăng cường phủ sóng tại điểm cần thiết, ưu tiên yêu cầu thông tin phục vụ an toàn, cứu hộ.
11	Chuyển đổi số, thông tin trực tuyến	Xã đã có Trang thông tin điện tử và bước đầu đăng tải nội dung giới thiệu Thác Đăk Rve, khu vực Đăk Pne cũ và các hoạt động văn hóa. Chưa có chuyên trang du lịch, bản đồ số, mã QR, dữ liệu dịch vụ, thống kê khách hoặc hệ thống đặt dịch vụ.	Thông tin du lịch còn phân tán; hình ảnh, dữ liệu tài nguyên và thông tin liên hệ dịch vụ chưa được chuẩn hóa.	Xây dựng mục thông tin du lịch trên kênh chính thức của xã, bản đồ số và mã QR cho tài nguyên/sản phẩm; chuẩn hóa ảnh, video, thông tin liên hệ; từng bước kết nối với nền tảng du lịch của tỉnh.
12	Hệ thống biển chỉ dẫn, nội quy và thuyết minh	Chưa hình thành hệ thống biển chỉ dẫn du lịch đồng bộ; chưa có đầy đủ biển tên điểm, sơ đồ, nội quy, cảnh báo an toàn, bảng giá, thuyết minh và số điện thoại hỗ trợ tại các hạt nhân.	Khách khó nhận biết điểm đến, lối tiếp cận và các khu vực nguy hiểm; thiếu thông tin thống nhất.	Ưu tiên hệ thống biển chỉ dẫn, biển cảnh báo và nội quy tại Thác Đăk Rve và hạt nhân cộng đồng được lựa chọn; tích hợp mã QR và số điện thoại hỗ trợ, bổ sung ngoại ngữ khi có nhu cầu thị trường.
13	Lưu trú (homestay/nhà ở có phòng cho khách)	Chưa có cơ sở lưu trú du lịch chuyên nghiệp; chưa có homestay được tổ chức, vận hành ổn định phục vụ khách.	Chưa đáp ứng nhu cầu lưu trú qua đêm; chưa khảo sát hộ đủ điều kiện về vị trí, vệ sinh, an toàn, phòng cháy chữa cháy và khả năng phục vụ.	Chỉ triển khai thí điểm sau khi đánh giá nhu cầu thị trường; lựa chọn 1-2 hộ phù hợp để hướng dẫn hoàn thiện điều kiện, đăng ký và vận hành, tránh đầu tư dàn trải.
14	Nhà vệ sinh và vệ sinh môi trường, cảnh quan	Chưa có hệ thống nhà vệ sinh công cộng chuyên phục vụ khách tại các hạt nhân; công tác thu gom rác chủ yếu theo khu dân cư, chưa có phương án riêng cho hoạt động du lịch.	Thiếu nhà vệ sinh, thùng rác, điểm tập kết phù hợp và cơ chế duy trì vệ sinh thường xuyên tại điểm tự nhiên, khu vực cộng đồng.	Bố trí nhà vệ sinh phù hợp tại hạt nhân có khách; thùng rác phân loại, điểm tập kết và lịch thu gom; quy định trách nhiệm vệ sinh, bảo vệ cảnh quan trước khi đưa điểm vào khai thác.

15	Dịch vụ ăn uống, mua sắm	Có khả năng phục vụ món ăn truyền thống, nông sản và sản phẩm thủ công địa phương theo nhu cầu/đặt trước; chưa có khu dịch vụ tập trung, gian hàng và hệ thống bán hàng du lịch ổn định.	Sản phẩm chưa đồng bộ về bao bì, giá niêm yết, nhận diện; năng lực phục vụ đoàn và điều kiện an toàn thực phẩm còn hạn chế.	Tổ chức gian hàng/quầy giới thiệu quy mô phù hợp tại hạt nhân; chuẩn hóa thực đơn, giá, sản phẩm nông nghiệp/OCOP/quà lưu niệm; tập huấn bán hàng và an toàn thực phẩm.
----	--------------------------	--	---	---

E. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

TT	Chỉ tiêu	Kết quả Năm 2025	6 tháng/ước năm 2026	Ghi chú
01	Lượt khách	Chưa có số liệu thống kê riêng; khách đến chủ yếu tự phát, nhỏ lẻ, không thường xuyên.	Chưa có hệ thống thống kê riêng; đề nghị địa phương bổ sung ước tính nếu có căn cứ từ hoạt động/sự kiện cụ thể.	Cần thiết lập phương thức thống kê tối thiểu theo tháng/quý khi bắt đầu tổ chức khai thác.
02	Khách lưu trú	Chưa phát sinh/không có số liệu tách riêng.	Chưa phát sinh/không có số liệu tách riêng.	Chưa hình thành cơ sở lưu trú du lịch chuyên nghiệp trên địa bàn.
03	Doanh thu du lịch	Chưa ghi nhận doanh thu du lịch riêng.	Chưa có số liệu doanh thu du lịch tách riêng.	Hoạt động du lịch chưa hình thành rõ nét; cần tránh ước tính doanh thu khi chưa có căn cứ.
04	Số lao động trực tiếp	Chưa có lao động du lịch chuyên trách; chủ yếu là người dân có thể huy động khi có hoạt động.	Chưa có lao động du lịch chuyên trách; có thể hình thành lực lượng nòng cốt sau tập huấn.	Nên theo dõi riêng lao động thường xuyên và lao động thời vụ khi mô hình hoạt động.
05	Số hộ/cơ sở tham gia dịch vụ	Chưa hình thành hộ/cơ sở kinh doanh du lịch chuyên nghiệp.	Hiện có khoảng 01 hộ theo thông tin địa phương có khả năng tham gia; các hộ khác cần tiếp tục vận động, khảo sát nhu cầu và điều kiện.	Cần phân biệt hộ “có khả năng tham gia” với hộ đã đăng ký, kinh doanh và có doanh thu thực tế.
06	Sự kiện/hoạt động nổi bật	Các hoạt động văn hóa cộng đồng, lễ hội và sinh hoạt truyền thống vẫn được duy trì; hoạt động quảng bá du lịch còn hạn chế.	Ước năm 2026: xã tổ chức 02 lớp truyền dạy công chiêng, múa xoang tại Kon Go và Kon Cheo Leo; đồng thời tăng cường giới thiệu Thác Đắk Rve, khu vực Đắk Pnê cũ trên Trang thông tin điện tử xã.	Đây là nền tảng bảo tồn và truyền thông, chưa phải hoạt động kinh doanh du lịch thường xuyên.
07	Cộng đồng và sinh kế	Chưa có số liệu riêng về thu nhập từ du lịch; mức độ hưởng lợi của cộng đồng chưa hình thành rõ.	Bước đầu có hộ dân quan tâm/có khả năng tham gia nhưng đa số người dân chưa có kỹ năng và hiểu biết đầy đủ về kinh doanh du lịch.	Khi triển khai cần xây dựng cơ chế tham gia và phân chia lợi ích minh bạch, ưu tiên cộng đồng địa phương.

F. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Điểm mạnh

- Tài nguyên tự nhiên khá đa dạng, nổi bật có Thác Đắk Rve nằm trên hành lang Quốc lộ 24 kết nối Măng Đen; khu vực Đắk Pne cũ còn giữ cảnh quan đồi núi, rừng, sông suối, cầu treo và không gian sinh thái tương đối nguyên sơ, phù hợp phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm quy mô phù hợp.

- Có không gian văn hóa cộng đồng dân tộc thiểu số, đặc biệt là người Ba Na, với nhà rông, cồng chiêng, múa xoang, lễ hội, nghề thủ công, nhạc cụ, ẩm thực và tập quán sinh hoạt truyền thống; đây là nguồn tài nguyên có khả năng tạo sản phẩm du lịch cộng đồng khác biệt.

- Có nền sản xuất nông - lâm nghiệp và nông sản địa phương như cà phê, cao su, cây ăn quả và các sản phẩm bản địa, thuận lợi để kết hợp trải nghiệm nông nghiệp, ẩm thực và mua sắm sản phẩm địa phương.

- Vị trí trên Quốc lộ 24 tạo lợi thế kết nối với Măng Đen và các điểm đến khu vực phía Tây tỉnh; nếu tổ chức sản phẩm hợp lý, Đắk Rve có thể phát triển vai trò điểm dừng, điểm trải nghiệm bổ trợ trên tuyến.

- Chính quyền địa phương đã quan tâm đến phát triển du lịch; Báo cáo số 08/BC-UBND ngày 14/01/2026 xác định định hướng phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, trải nghiệm văn hóa - nông nghiệp và ưu tiên hạ tầng thiết yếu.

- Hoạt động bảo tồn và truyền thông có chuyển biến: năm 2026 xã tổ chức các lớp truyền dạy cồng chiêng, múa xoang và đăng tải nội dung giới thiệu Thác Đắk Rve, vùng Đắk Pne cũ; đây là nền tảng thuận lợi để lựa chọn, xây dựng sản phẩm du lịch trong giai đoạn tiếp theo.

2. Hạn chế/khó khăn/vướng mắc

- Chưa lựa chọn rõ hạt nhân du lịch ưu tiên; chưa xác định ranh giới, quy mô khai thác và chưa rà soát đầy đủ điều kiện đất đai, lâm nghiệp, hành lang nguồn nước/công trình thủy điện đối với các khu vực dự kiến đầu tư.

- Hạ tầng tiếp cận và hạ tầng phục vụ khách còn thiếu, nhất là điểm dừng/bãi xe, lối đi an toàn, nhà vệ sinh, biển chỉ dẫn, cảnh báo, thu gom rác và điểm đón tiếp.

- Các khu vực thác, suối và địa hình dốc chưa có đánh giá rủi ro, phương án bảo đảm an toàn, cứu hộ - cứu nạn và quy trình ứng phó thời tiết, nước lớn.

- Chưa hình thành sản phẩm du lịch hoàn chỉnh có thời lượng, giá, quy trình phục vụ và đơn vị tổ chức khai thác; liên kết với doanh nghiệp lữ hành và thị trường khách còn hạn chế.

- Nhân lực du lịch chủ yếu là người dân địa phương và cán bộ kiêm nhiệm, chưa được đào tạo đầy đủ về quản lý điểm đến, thuyết minh, phục vụ, an toàn, thống kê và truyền thông số.

- Chưa có cơ sở lưu trú du lịch chuyên nghiệp; năng lực ăn uống, mua sắm, quà lưu niệm và các dịch vụ bổ trợ mới ở mức tiềm năng, chưa được chuẩn hóa.

- Công tác quảng bá đã bước đầu thực hiện trên kênh thông tin của xã nhưng chưa có hệ thống nhận diện, bản đồ số, mã QR, dữ liệu dịch vụ, thống kê khách và công cụ kết nối/đặt dịch vụ.

- Nguồn lực đầu tư của địa phương và cộng đồng còn hạn chế; chưa có danh mục ưu tiên theo lộ trình và cơ chế phân định rõ hạng mục Nhà nước hỗ trợ với hạng mục kinh doanh cần huy động hộ dân, HTX, doanh nghiệp.

G. NHU CẦU ĐẦU TƯ, HỖ TRỢ VÀ ĐỀ XUẤT ƯU TIÊN

TT	Nội dung đề xuất	Nguồn lực/ nguồn (ngân sách; XHH....	Ghi chú
1	Khảo sát chuyên sâu, lựa chọn 1-2 hạt nhân phát triển ưu tiên (trong đó xem xét Thác Đắk Rve và một cụm làng/khu vực phù hợp tại Đắk Pne cũ); đánh giá tài nguyên, thị trường, ranh giới, đất đai, môi trường và an toàn; xây dựng lộ trình phát triển/công nhận điểm du lịch.	Ngân sách nhà nước cho công tác chuyên môn; lồng ghép chương trình, dự án phù hợp.	Ưu tiên trước khi đầu tư hạ tầng dân trải.
2	Hoàn thiện hạ tầng thiết yếu tại hạt nhân được lựa chọn: lối tiếp cận an toàn, điểm dừng/ngắm cảnh, bãi xe, nhà vệ sinh, thu gom rác, biển chỉ dẫn - cảnh báo và thiết bị/phương án cứu hộ.	Ngân sách nhà nước; chương trình mục tiêu; xã hội hóa đối với hạng mục dịch vụ phù hợp.	Ưu tiên an toàn và môi trường.
3	Xây dựng, thử nghiệm 1-2 chương trình trải nghiệm có thể bán được (ví dụ: Thác Đắk Rve - làng văn hóa - nghề thủ công - ẩm thực - nông nghiệp/cảnh quan Đắk Pne cũ), xác định thời lượng, giá, sức chứa và quy trình phục vụ.	Nguồn hỗ trợ phát triển sản phẩm; doanh nghiệp lữ hành; cộng đồng và xã hội hóa.	Thử nghiệm trước khi nhân rộng.
4	Hỗ trợ bảo tồn và chuyển hóa phù hợp các giá trị văn hóa thành sản phẩm: công chiêng, múa xoang, đan lát, dệt thổ cẩm, tạc tượng, rèn, nhạc cụ/Khinh Khung, ẩm thực và lễ hội; gắn với truyền dạy và tư liệu hóa.	Ngân sách/chương trình văn hóa, chương trình mục tiêu quốc gia; xã hội hóa hợp pháp.	Bảo đảm cộng đồng là chủ thể.
5	Đào tạo, tập huấn lực lượng nòng cốt về quản lý điểm đến, thuyết minh, phục vụ ăn uống, tổ chức trải nghiệm, sơ cấp cứu - cứu hộ, an toàn, kỹ năng số và bán hàng.	Ngân sách đào tạo, chương trình mục tiêu; phối hợp cơ sở đào tạo/doanh nghiệp.	Đào tạo theo vị trí việc làm cụ thể.
6	Hỗ trợ xây dựng mô hình quản lý du lịch cộng đồng, quy chế vận hành và cơ chế phân chia lợi ích; xác định đầu mối phối hợp giữa UBND xã, thôn, hộ dân, người thực hành văn hóa và doanh nghiệp.	Nguồn hỗ trợ kỹ thuật; cộng đồng; HTX/tổ hợp tác nếu hình thành.	Cần hoàn thành trước khi khai thác thường xuyên.
7	Khảo sát, lựa chọn thí điểm 1-2 hộ lưu trú cộng đồng/homestay khi có nhu cầu thị trường; hướng dẫn hoàn thiện điều kiện, đăng ký và vận hành theo quy định.	Hộ dân/HTX/doanh nghiệp là nguồn chính; lồng ghép chính sách hỗ trợ hợp pháp.	Không đầu tư dân trải bằng ngân sách.
8	Chuẩn hóa ẩm thực, sản phẩm thủ công, nông sản/OCOP và quà lưu niệm; hỗ trợ mẫu mã, bao bì, niêm yết giá, trưng bày và kỹ năng bán hàng.	Chương trình OCOP, chương trình mục tiêu; hộ dân/HTX/doanh nghiệp; xã hội hóa.	Gắn trực tiếp với tuyến trải nghiệm.
9	Xây dựng nội dung số du lịch trên kênh chính thức của xã; bản đồ số, mã QR, hình ảnh/video, thông tin liên hệ, dữ liệu dịch vụ và thống kê khách; kết nối nền tảng du lịch của tỉnh.	Ngân sách chuyển đổi số/truyền thông; xã hội hóa.	Ưu tiên dữ liệu đúng, cập nhật được.
10	Tăng cường kết nối thị trường và tour tuyến theo trục Quốc lộ 24 - Măng Đen - Đắk Rve - Kon Tum; tổ chức khảo sát sản phẩm với doanh nghiệp lữ hành, truyền thông và theo dõi phản hồi khách để điều chỉnh sản phẩm.	Ngân sách xúc tiến; doanh nghiệp lữ hành; xã hội hóa.	Tập trung tạo dòng khách thực tế.

H. THÔNG TIN KHÁC (KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT)

- UBND xã Đắk Rve đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi hỗ trợ khảo sát, đánh giá, lựa chọn hạt nhân và định hướng sản phẩm du lịch phù hợp với lợi thế địa phương, ưu tiên Thác Đắk Rve, cảnh quan khu vực Đắk Pne cũ và không gian văn hóa cộng đồng; phát triển theo hướng du lịch sinh thái, cộng đồng, trải nghiệm văn hóa - nông nghiệp, gắn với tuyến Quốc lộ 24 kết nối Măng Đen.

- Đề nghị hướng dẫn địa phương rà soát các điều kiện, xác định phạm vi, ranh giới, hạ tầng, dịch vụ, an ninh - an toàn, môi trường và các yêu cầu pháp lý có liên quan để xây dựng lộ trình hoàn thiện hồ sơ công nhận điểm du lịch khi đủ điều kiện; không đầu tư dân trải khi chưa xác định rõ hạt nhân và phương án khai thác.

- Đề nghị ưu tiên hỗ trợ các hạng mục thiết yếu trực tiếp phục vụ an toàn và chất lượng trải nghiệm tại hạt nhân được lựa chọn như lối tiếp cận, điểm dừng/bãi xe, nhà vệ sinh, biển chỉ dẫn - cảnh báo, điểm nghỉ, thu gom rác và phương tiện/phương án cứu hộ - cứu nạn.

- Đề nghị hỗ trợ đào tạo, tập huấn theo nhóm đối tượng cụ thể: cán bộ/đầu mối quản lý du lịch; người thuyết minh, hướng dẫn trải nghiệm; hộ phục vụ ẩm thực/lưu trú; lực lượng sơ cấp cứu - cứu hộ; kỹ năng giao tiếp, bán hàng và truyền thông số.

- Đề nghị hỗ trợ bảo tồn, truyền dạy và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tại các thôn Kon Túc, Kon Go, Kon Gộp, Kon Cheo Leo, Kon Vang và các cộng đồng phù hợp, nhất là công chiêng, múa xoang, nhà rông, nghề thủ công, nhạc cụ, ẩm thực và lễ hội; việc khai thác du lịch cần lấy cộng đồng làm chủ thể và tôn trọng tính nguyên gốc.

- Đề nghị hỗ trợ phát triển khu thương mại – dịch vụ phục vụ du lịch tại các thôn Đăk Rve, Plei Ngok, Ngọc Tem 2, Đăk Pne và Kon Cheo Leo còn gặp một số khó khăn do hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất phục vụ du lịch chưa đồng bộ; quy mô thị trường và lượng khách chưa ổn định; hệ thống lưu trú, ăn uống, điểm dừng chân và các dịch vụ hỗ trợ còn thiếu; sản phẩm du lịch chưa đa dạng, chưa hình thành chuỗi liên kết; nguồn nhân lực và kỹ năng phục vụ du lịch của người dân còn hạn chế. Bên cạnh đó, địa hình phức tạp, điều kiện tự nhiên theo mùa, quỹ đất và khả năng huy động nguồn lực đầu tư còn là những yếu tố cần được xem xét. Việc phát triển các cơ sở thương mại – dịch vụ nếu không có định hướng không gian và quản lý phù hợp có thể gây áp lực lên hạ tầng, môi trường, cảnh quan và bản sắc văn hóa địa phương. Do đó, cần ưu tiên đầu tư hạ tầng thiết yếu, tạo quỹ đất phù hợp, nâng cao năng lực cộng đồng, tăng cường quảng bá và liên kết tuyến điểm, đồng thời thu hút đầu tư theo hướng quy mô phù hợp và phát triển du lịch bền vững.

- Đề nghị hỗ trợ xây dựng nội dung nhận diện, bản đồ số, mã QR và quảng bá các tài nguyên, sản phẩm của Đăk Rve; kết nối Thác Đăk Rve, khu vực Đăk Pne cũ và các sản phẩm du lịch cộng đồng - nông nghiệp với Măng Đen, đô thị Kon Tum và các tuyến du lịch khu vực.

- Đề nghị hướng dẫn xây dựng mô hình quản lý, vận hành và cơ chế phân chia lợi ích minh bạch; đồng thời thiết lập hệ thống theo dõi tối thiểu về lượt khách, doanh thu, hộ tham gia, việc làm và mức hưởng lợi của cộng đồng để có căn cứ đánh giá hiệu quả, điều chỉnh chính sách hỗ trợ.